

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01-2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Bà Bô Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 431/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/12/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1983; nơi thường trú: Phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; tạm trú: Tổ 7, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1981; nơi thường trú: Phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; tạm trú: Tổ 7, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn L chung sống trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y (nay là phường T, thành phố N), tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05, Quyển số 01, ngày 19/02/2005. Thời gian đầu, vợ chồng chung

sống hạnh phúc nhưng đến năm 2014 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không có tiếng nói chung trong vấn đề kinh tế gia đình, chăm sóc con cái. Bà H và ông L đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không hòa hợp được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Trần Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thảo A, sinh ngày 11/11/2005. Hiện con tên Thảo A đang sống với mẹ. Khi ly hôn bà Trần Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thảo A và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Bà H tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị H rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với các vấn đề khác bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn L không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2017 con chung tên Nguyễn Thị Thảo A trình bày nếu cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được chung sống với bà Trần Thị H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

+ Về con chung: Do bà Trần Thị H hiện đang nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thảo A và nguyện vọng của con là được ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Vấn đề tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã T và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn L. đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn L là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y (nay là phường T, thành phố N), tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05, Quyển số 01, ngày 19/02/2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không có tiếng nói chung trong vấn đề kinh tế gia đình, chăm sóc con chung. Từ năm 2014 vợ chồng đã sống ly thân.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là thể hiện thái độ coi thường pháp luật và không mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hiện nay bà H và ông L đã sống ly thân. Theo quy định tại Điều 17 và 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *“Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Đối chiếu với quy định nêu trên thì việc chung sống giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn L không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thảo A, sinh ngày 11/11/2005. Khi ly hôn, bà Trần Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thảo A và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Thị Thảo A có nguyện vọng xin được sống với

bà H. Xét thấy ý kiến của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của con chung đủ 07 tuổi trở lên, phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Thị Thảo A cho bà Trần Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Trần Thị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 92 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Văn L.

2. Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

3. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thảo A, sinh ngày 11/11/2005.

4. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn L đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án

có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

5. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải nộp số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013374 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, bà Trần Thị H không phải nộp thêm.

7. Về quyền kháng cáo:

7.1. Bà Trần Thị H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7.2. Ông Nguyễn Văn L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- THADS thị xã T (01);
- UBND phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền